Ngày soạn: 04/09/2023

Ngày dạy: 05/09/2023

*Bài 1*: **TẬP HỢP. PHẦN TỬ CỦA TẬP HỢP**

Thời gian: 02 tiết từ tiết 01 – 02

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong tiết này HS

- Biết cách đọc và viết một tập hợp.

- Biết cách sử dụng các kí hiệu về tập hợp ( “” , “”) .

- Nhận biết được một phần tử thuộc hay không thuộc một tập hợp.

**2. Năng lực**

*- Năng lực riêng:* Sử dụng được các kí hiệu về tập hợp.

*- Năng lực chung****:*** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**-** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1.GV: Láp tốp, máy tính casio, ti vi, một số đồ vật hoặc tranh ảnh minh họa cho khái niệm tập hợp ( bộ sưu tập đồ vật, ảnh chụp tập thể HS, bộ đồ dùng học tập, bộ cốc chén..)

2. HS : Đồ dùng học tập; đồ vật, tranh ảnh như trên.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

a. Mục đích: HS cảm thấy khái niệm tập hợp gần gũi với đời sống hàng ngày.

b. Nội dung: HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu hoặc tranh ảnh.

c. Sản phẩm: Từ bài toán HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu hình ảnh và giới thiệu “tập hợp gồm các bông hoa trong lọ hoa”, “ tập hợp gồm ba con cá vàng trong bình”... và yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi tìm các ví dụ tương tự trong đời sống hoặc mô tả tập hợp trong tranh ảnh mà mình đã chuẩn bị.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

-HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định:GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Từ các ví dụ trên chúng ta sẽ đi tìm hiểu rõ hơn về tập hợp, các kí hiệu và cách mô tả, biểu diễn một tập hợp”

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

Hoạt động 1: Làm quen với tập hợp

a. Mục tiêu:

**+** Làm quen với tập hợp

+ Hình thành kĩ năng nhận biết phần tử của một tập hợp.

b. Nội dung:

+ GV giảng, trình bày.

+ HS tiếp thu, quan sát SGK, thảo luận, trả lời.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV cho HS quan sát Hình 1 SGK-tr7:    Yêu cầu HS viết vào vở:  *+ Tên các đồ vật trên bàn ở Hình 1*  *+ Tên các bạn trong tổ của em*  *+ Các số tự nhiên vừa lớn hơn 3 vừa nhỏ hơn 12.*  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động cá nhân  - GV quan sát và trợ giúp các nếu HS cần  Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  - HS đứng tại chỗ trình bày câu trả lời của mình.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  Bước 4: Kết luận, nhận định  - GV chính xác hóa và giải thích:  *+ Các đồ vật ở trong Hình 1 tạo thành một tập hợp. Mỗi đồ vật trên bàn được gọi là một phần tử của/ thuộc tập hợp đó”.*  *+ Tương tự, “các bạn trong tổ của em tạo thành một tập hợp”, “Các số tự nhiên lớn hơn 3, nhỏ hơn 12 tạo thành một tập hợp”.* | **1. Làm quen với tập hợp**  - Tên đồ vật trên bàn: sách, thước kẻ, ê ke, bút  - Tên các bạn trong tổ: Lan, Mai, Ngọc, Hoa, Tuấn.  - Các số tự nhiên lớn hơn 3 nhỏ hơn 12: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11. |

Hoạt động 2: Các kí hiệu

a. Mục đích:

+ HS biết và sử dụng được hai cách mô tả ( viết) một tập hợp.

+ Củng cố cách viết các kí hiệu “” và “”.

b. Nội dung: HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

c. Sản phẩm: HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV yêu cầu HS đọc hiểu nội dung mục này trong SGK và đọc các ví dụ minh họa ở trang 7.  Sau khi đọc xong, GV yêu cầu HS sử dụng kí hiệu để viết ba tập hợp trong HĐKP ở trên và viết một vài phần tử thuộc/ không thuộc trong tập hợp đó.  - GV viết ví dụ:  A = {thước kẻ, bút, eke, sách}  bút , tẩy A  - GV yêu cầu HS viết tương tự cho 2 tập hợp còn lại và hoàn thành thực hành 1.  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  + HS Hoạt động cá nhân hoàn thành các yêu cầu và phần luyện tập  + GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  + HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu.  + Ứng với mỗi phần luyện tập, một HS lên bảng chữa, các học sinh khác làm vào vở.  Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **2. Các kí hiệu**  Ví dụ: Gọi B là tập hợp tên các bạn trong tổ em.  B = { Lan, Mai, Ngọc, Hoa, Tuấn}  Lan , Huyền B.  *Thực hành 1:*  Gọi M là tập hợp các chữ cái có mặt trong từ “gia đình”  M = {a, đ, i, g, h, n}  + Khẳng định đúng: a , b , i  + Khẳng định sai: o |

Hoạt động 3: Cách cho tập hợp

a. Mục đích:

+ Biết cách cho một tập hợp và sử dụng hai cách viết một tập hợp.

+ Củng cố cách viết các kí hiệu “” và “”.

b. Nội dung:

+ GV giảng, trình bày.

+ HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV yêu cầu HS đọc hiểu nội dung trong SGK trong vòng 2p ( GV gợi ý cách đọc kí hiệu gạch đứng “|” là “ sao cho”, “trong đó”, “ thỏa mãn”,…  - GV phân tích cho HS qua ví dụ khác:  “*B là tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 1 và nhỏ hơn 10*”  + GV gọi 1 HS biểu diễn tập hợp B dưới dạng *liệt kê tất cả các phần tử của tập hợp B*.  + GV giảng: Ngoài cách *liệt kê tất cả các phân tử của tập hợp B*, ta còn có thể viết B = { x | x là số tự nhiên, 1< x < 10}. Đây là cách chỉ ra *tính chất đặc trưng cho các phần tử x của tập hợp B*.  - GV cho HS rút ra *Nhận xét* như trong SGK – tr8.  - GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành Thực hành 2 vào vở và cho 2 HS lên chữa bài.  - GV cho HS làm Thực hành 3và yêu cầu 1 HS lên bảng làm ý a), b); 1 HS làm ý c).  - GV cho HS đọc, tìm hiểu mục “Em có biết?” và phân tích, giới thiệu thêm cách minh họa tập hợp bằng một vòng kín ( “ Sơ đồ Venn”).  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động cá nhân  - GV quan sát và trợ giúp các nếu HS cần  Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  - HS hoàn thành vở sau đó lên bảng trình bày.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  Bước 4: Kết luận, nhận định  - GV chốt lại đáp án và tổng quát lại 2 cách cho một tập hợp:  + *Cách 1: Liệt kê các phần tử của tập hợp.*  *+ Cách 2: Chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của tập hợp.* | **3. Cách cho tập hợp**  VD: “*B là tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 1 và nhỏ hơn 10*”  + B = {2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9}  + B = { x | x là số tự nhiên, 1< x < 10}.  *Nhận xét:*  a) Liệt kê các phần tử của tập hợp.  b) Chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của tập hợp.  *Thực hành 2:*  a) E ={0; 2; 4; 6; 8}.  - Tính chất đặc trưng của tập hợp E là: E gồm các số tự nhiên chẵn nhỏ hơn 10.  => E = { x | x là số tự nhiên chẵn và x < 10}.  b) P = { x | x là số tự nhiên và 10 < x < 20}.  P = { 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19}.  *Thực hành 3:*  a) A = {8, 9, 10, 11, 12, 13, 14}  b) 10 ∈ A; 13 ∈ A      16 ∉ A, 19 ∉ A  c)  Cách 1: B = {8, 10, 12, 14}.  Cách 2: B = { x | x là số tự nhiên chẵn, và 7 < x < 15}. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a) Mục đích: Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

b) Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 1 và 2 SGK – tr9*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án*

1. D = {x|x là số tự nhiên và 5 <x<12}

D = {6 ;7 ;8 ;9 ;10 ;11}

7 ; 5 ; 10 ; 17 ; 0

2. B = {x|x là số tự nhiên lẻ và x>30)

Các khẳng định đúng là a) và c)

Các khẳng định sai là b) và d)

Bài 3 :

|  |  |
| --- | --- |
| Tập hợp cho bởi cách liệt kê phần tử | Tập hợp cho bởi tính chất đặc trưng. |
| H = {2; 4; 6; 8; 10} | H là tập hợp các số tự nhiên chẵn khác 0 và nhỏ hơn 11 |
| M = {1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15} | M là tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 15. |
| P = {11, 13, 15, 17, 19, 21} | P là tập hợp các số tự nhiên lẻ lớn hơn 9 và nhỏ hơn 22. |
| X = {Việt Nam; Lào; Campuchia; Thái Lan; Myanmar; Malaysia; Singapore; Indonesia; Brunei; Philippines; Đông Timor} | X là tập hợp các nước ở khu vực Đông Nam Á. |

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

+ GV chiếu Slide các câu trắc nghiệm sau: (thời gian trả lời mỗi câu hỏi là 10s)

*Câu 1***:** Cho B = {2; 3; 4; 5}. Chọn đáp án **sai** trong các đáp án sau?

A. 2 ∈ B

B. 5 ∈ B

C. 1 ∉ B

D. 6 ∈ B

*Câu 2***:** Các viết tập hợp nào sau đây đúng?

A. A = [1; 2; 3; 4]

B. A = (1; 2; 3; 4)

C. A = 1; 2; 3; 4

D. A = {1; 2; 3; 4}

*Câu 3***:** Viết tập hợp P các chữ cái khác nhau trong cụm từ: “HOC SINH”

A. P = {H; O; C; S; I; N; H}

B. P = {H; O; C; S; I; N}

C. P = {H; C; S; I; N}

D. P = {H; O; C; H; I; N}

*Câu 4***:** Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn 10.

A = {6; 7; 8; 9}

B. A = {5; 6; 7; 8; 9}

C. A = {6; 7; 8; 9; 10}

D. A = {6; 7; 8}

Đáp án: 1 – D; 2 – D; 3 – A; 4 - A

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

a. Mục đích: Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

b. Nội dung: GV đưa ra câu hỏi, HS giải đáp nhanh

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV chiếu Slide và yêu cầu HS hoàn thành nhanh bài tập vận dụng trang 8 -SGK.*

Dưới đây là quảng cáo khuyến mãi cuối tuần của một siêu thị.



Hãy viết tập hợp các sản phẩm được giảm giá trên 12 000 đồng mỗi ki-lô-gam.

*- HS suy nghĩ nhanh và trả lời câu hỏi*

Gọi G là tập hợp các sản phẩm được giảm giá trên 12000, ta có:

G = {xoài, cá chép, gà}

*- HS nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**E. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Học thuộc các kí hiệu để ghi một tập hợp, cách ghi tập hợp.

- Làm bài tập : Bài 4/9 sgk.

- Chuẩn bị bài mới “ Tập hợp số tự nhiên. Ghi số tự nhiên”

Ngày soạn: 04/09/2023

Ngày dạy: 08/09/2023

# BÀI 2. TẬP HỢP SỐ TỰ NHIÊN. GHI SỐ TỰ NHIÊN.

Thời gian: 01 tiết, tiết 03

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong tiết này HS

- Phân biệt được hai tập hợp ­ và ­\*.

- Nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí trong một số tự nhiên biểu diễn ở hệ thập phân.

**2. Năng lực**

***- Năng lực riêng:***

+ Biểu diễn được số tự nhiên trong phạm vi 30 bằng cách sử dụng chữ số La Mã.

***- Năng lực chung:*** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Tài liệu giảng dạy; SGK; SBT; Giáo án PPT ( Tìm một số hình ảnh về các số tự nhiên trong lịch sử loài người)

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK; SBT

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỎI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu biết về văn hóa, thói quen sử dụng chữ số từ lịch sử.

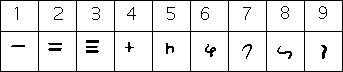
**b. Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu hoặc tranh ảnh và chú ý lắng nghe.

**c. Sản phẩm: :** HS nắm được các cách viết sô tự nhiên khác nhau qua giai đoạn, năm tháng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

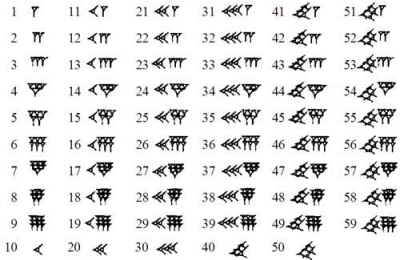
GV giới thiệu và chiếu một số hình ảnh liên quan đến cách viết số tự nhiên từ thời nguyên thủy ( hình ảnh dưới phần hồ sơ dạy học) “ Trong lịch sử loài người, số tự nhiên bắt nguồn từ nhu cầu đếm và từ rất sớm. Các em quan sát hình chiếu và nhận xét về cách viết số tự nhiên đó.”

****

**Chữ số Ấn Độ cuối thế kỉ 1**

****

**Bảng chữ số Ả Rập**

****

**Chữ số Babylon**

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Cách ghi số tự nhiên đó như thế nào, có dễ đọc và sử dụng thuận tiện hơn không?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tập hợp ­ và ­\*.**

**a. Mục tiêu:**

**+** Phân biệt được tập hợp số tự nhiên ( ) và tập các số tự nhiên khác 0 ( ­\*­).

+ Củng cố lại cách biểu diễn một tập hợp,

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc đoạn giới thiệu về tập hợp ­ và ­\*.  - GV gọi 1, 2 HS trình bày tập hợp và ­\*.  - GV giảng và nhắc lại hoàn chỉnh để HS hiểu và ghi nhớ hơn.  - GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **Thực hành 1.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án và tổng quát lại tập hợp và ­\*:  **= { 0; 1; 2; 3; 4;...}**  **­\*= { 1; 2; 3; 4; 5;...}** | **1**. **Tập hợp ­ và ­\*.**  - Tập hợp số tự nhiên:  **= { 0; 1; 2; 3; 4;...}**  - Tập hợp số tự nhiên khác 0:  **­\*= { 1; 2; 3; 4; 5;...}**  **Thực hành 1:**  a) Tập hợp N và N\* khác nhau là:  +  là tập hợp các số tự nhiên lớn hơn hoặc bằng 0.  + ­\* là tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 0.  b) C = {1, 2, 3, 4, 5} |

**Hoạt động 2: Thứ tự trong tập hợp số tự nhiên**

**a. Mục đích:**

**+** Nhận biết được thứ tự trong tập hợp số tự nhiên.

+ Nhận biết được tia số và mối liên hệ với các điểm biểu diễn chúng trên tia số.

+ So sánh được hai số tự nhiên cho trước.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nhắc lại về tập hợp và tia số:  Tập hợp các số tự nhiên được kí hiệu bởi  = { 0; 1; 2; 3; ...}.  Mỗi phần tử 0; 1; 2; 3;... của được biểu diễn bởi một điểm trên tia số gốc O như hình dưới đây:    - GV phân tích tia số:   * Điểm biểu diễn số tự nhiên n gọi là điểm n. VD: Điểm 3, điểm 4, điểm 8... * Tia số nằm ngang có chiều mũi tên đi từ trái sang phải, nếu a < b thì điểm a nằm bên trái điểm b.   - GV giảng: Trong hai số tự nhiên a và b khác nhau, có một số nhỏ hơn hoặc lớn hơn số kia.   * Nếu a nhỏ hơn b, ta viết a < b. * Nếu a lớn hơn b, ta viết a > b. * Ta viết: a b để chỉ a < b hoặc a = b;   b a để chỉ b > a hoặc b = a.   * Mỗi số tự nhiên có đúng một số liền sau cách nó 1 đơn vị. VD: 9 là số liền sau của 8 ( còn 8 là số liền trước của 9). Hai số 8 và 9 là hai số tự nhiên liên tiếp.   - GV yêu cầu HS hoàn thành **Thực hành 2.**  - GV hướng dẫn, HS trao đổi, hoàn thành **HĐKP.**  - GV cho HS rút ra kiến thức trọng tâm:  Nếu **a < b** và **b < c** thì **a < c**. => **Tính chất bắc cầu.**  - Gv cho HS hoàn thành **Thực hành 3**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án và nêu kiến thức trọng tâm cần nhớ. | **2. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên:**  **Thực hành 2:**  a) 17, 19, 21 là ba số lẻ liên tiếp tăng dần.  b) 103, 101, 99, 97 là bốn lẻ liên tiếp giảm dần.  **HĐKP:**  a) a > 2021  mà 2021 > 2020  => a > 2020  b) a < 2000  mà 2000 < 2021  => a < 2020  **=> Tính chất bắc cầu:**  Nếu => a < c  **Thực hành 3:**  A = {35, 30, 25, 20, 15, 10, 5, 0}. |

**Hoạt động 3: Ghi số tự nhiên**

**a. Mục tiêu:**

+ HS nhận biết được cách viết số tự nhiên trong hệ thập phân và mối quan hệ giữa các hàng.

+ Biết thêm các số tự nhiên trên lớp triệu, là lớp tỉ.

+ HS hiểu giá trị mỗi chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân.

+ HS viết được số La Mã từ 1 đến 30.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **a) Hệ thập phân:**  - GV dẫn dắt HS qua bài toán sau:  *Đọc và số sau bằng chữ: 107 463 847.*  ( một trăm linh bảy triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi bảy)  - GV giới thiệu thêm số tự nhiên trên lớp triệu là lớp tỉ và đặt vấn đề cho HS: *Số 2 107 463 847 sẽ đọc và viết bằng chữ như thế nào*?  ( hai tỉ một trăm linh bảy triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi bảy).  - GV yêu cầu HS đọc hiểu nội dung đã trình bày trong SGK.  - GV lưu ý cho HS: *Khi viết các số tự nhiên có 4 chữ số trở lên, ta nên viết tách riêng từng nhóm ba chữ số kể từ phảo sang trái cho dễ đọc. Chẳng hạn: 300 000 000.*  - GV cho HS đọc hiểu *Ví dụ 2* và phân tích cho HS so sánh hai số trong phạm vi lớp tỉ như các số trong phạm vi lớp triệu. Ta có thể áp dụng tương tự cho số tự nhiên bất kỳ.  - GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi **Thực hành 4.**  - GV yêu cầu HS đọc hiểu tiếp nội dung SGK viết về Cấu tạo thập phân của một số.  - GV giảng, phân tích rõ cho HS hiểu qua Ví dụ sau:  Số **1754** có **1** nghìn, **7** trăm, **5** chục, **4** đơn vị.   * **1754** = **1** × 1000 + **7** × 100 + **5** × 10 + **4**.   - GV cho HS trao đổi, hoàn thành **Thực hành 5.**  **b) Hệ La Mã:**  - GV chiếu bảng số La Mã kí hiệu và giá trị 3 thành phần để ghi và ghép thành số La Mã.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Chữ số** | I | V | X | | **Giá trị tương ứng** | 1 | 5 | 10 |   - GV giới thiệu và cho HS đọc và ghi nhớ các thành phần chính trong bảng trên.  - GV dẫn dắt: Ghép các chữ số I, V, X với nhau ta được các số La Mã từ 1 đến 10   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |   - GV phân tích:  + Từ các số này, nếu thêm vào bên trái mỗi số một chữ số X ta được các số La Mã từ 11 đến 20.  VD: XI là 11, XII là 12, ... , XX là 20.  + Nếu thêm vào bên trái hai chữ số X ta được các số La Mã từ 21 đến 30.  VD: XXI là 21; XXV là 25; ..  - GV cho HS tìm những đồ vật có xuất hiện số La Mã.  ( mặt đồng hồ, số thự tự các chương mục của sách, thứ tự của thế kỉ...)  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành **Thực hành 6.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án và nêu kiến thức trọng tâm cần nhớ. | **3. Ghi số tự nhiên**  ***a) Hệ thập phân***  **Thực hành 4:**  Số 2023 có 4 chữ số:  + Chữ số hàng đơn vị là 3,  + Chữ số hàng chục là 2,  + Chữ số hàng trăm là 0,  + Chữ số hàng nghìn là 2.  Số 5 427 198 653 có 10 chữ số:  + Chữ số hàng đơn vị là 3,  + Chữ số hàng chục là 5,  + Chữ số hàng trăm là 6,  + Chữ số hàng nghìn là 8,…  \* Cấu tạo thập phân của số:  - Mỗi chữ số tự nhiên viết trong hệ thập phân đều biểu diễn được thành ***tổng giá trị các chữ số của nó.***  TQ:  = ( **a** × 10) + **b**, với a ≠ 0  = (**a** × 100) + ( **b** × 10) + **c**  VD:Số **1754** có **1** nghìn, **7** trăm, **5** chục, **4** đơn vị.   * **1754** = **1** × 1000 + **7** × 100 + **5** × 10 + **4**.   **Thực hành 5:**  a) Biểu diễn số:  **345** = **3** × 100+ **4** × 10 + **5** = 300 + 40 + 5  **2 021** = 2 × 1000 + **0** x 100 + **2** × 10 + **1** = 2 000 + 20 + 1  b) 96 208 984: Chín mươi sáu triệu hai trăm lẻ tám nghìn chín trăm tám mươi bốn.  Số này có 8 chữ số, số triệu là 6, số trăm là 9.  ***b) Hệ La Mã***   |  |  | | --- | --- | | Số La Mã | Giá trị tương ứng | | XII | **12** | | **XX** | 20 | | XXII | **22** | | **XVII** | 17 | | **XXX** | 30 | | **XXVI** | 26 | | **XXVIII** | 28 | | XXIV | **29** | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 1 + 2 + 3 ( SGK – tr12)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án* (**Bài 1, 2** trình bày miệng ; **Bài 3** 2 HS trình bày bảng.)

**Bài 1 :**

a) 15 ∈  N;        b) 10,5 ∉ N\*;

c)  ∉ N ;          d) 100 ∈ N.

**Bài 2 :**

a) Sai b) Sai c) Đúng d) Sai

**Bài 3:**

2 756 = 2 × 1000 + 7 × 100 + 5 × 10 + 6

2 053 = 2 × 1000 + 0 × 100 + 5 × 10 + 3

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

+ Học sinh nắm được một số chú ý liên quan đến số La Mã.

+ Củng cố kiến thức qua các bài tập vận dụng.

**b. Nội dung:**

**+** HS tìm hiểu trong phần mục « **Em có biết ?**».

HS vận dụng kiến thức để giải một số bài toán thực tế.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS đọc hiểu mục «****Em có biết ?****» (SGK –tr12).*

*- GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức làm* ***bài tập******3 + 6*** *– (SBT-tr9).*

**Bài 3: (SBT – tr9)**

a) 1 441 457 889 đọc là : Một tỉ bốn trăm bốn mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi chín.

1 386 638 130 đọc là : Một tỉ ba trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn một trăm ba mươi.

b) Có : 1 441 457 889 > 1 386 638 130

=> Dân số nước Trung Quốc lớn hơn nước Ấn Độ.

**Bài 6: (SBT – tr9)**

Kết quả sau khi dịch chuyển que tăm :

*- HS nhận xét, bổ sung.*

*- GV đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**E. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học thuộc nội dung bài.

- Làm các bài tập 2 + 4 + 5 (SBT-tr9)

- Chuẩn bị bài mới “ **Các phép tính trong tập hợp số tự nhiên**”

Ngày soạn: 10/09/2023

Ngày dạy: 12/09/2023

*Bài 3*: **CÁC PHÉP TÍNH TRONG TẬP HỢP SỐ TỰ NHIÊN**

Thời gian: 01 tiết, tiết 04

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

- Nhớ lại quy tắc cộng trừ nhân chia số tự nhiên.

- Nhận biết các tính chất của các phép tính.

**2. Năng lực**

*- Năng lực riêng:*

+ Vận dụng được tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán một cách hợp lí.

+ Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính như tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có,...

*- Năng lực chung:*Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**-** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1 - GV: Láp tốp, máy tính casio, ti vi, thước thẳng, bảng phụ.

2 - HS : Đồ dùng học tập cá nhân, bảng nhóm

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

a. Mục tiêu: HS hình thành như cầu sử dụng các tính chất trong thực hiện phép tính.

b. Nội dung: HS quan sát trên màn chiếu hoặc SGK hoàn thành yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: : Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV cho bài toán:

“Cho T = 11 × ( 2001 + 2003 + 2007 + 2009) + 89 × ( 2001 + 2003 + 2007 + 2009)

Có cách nào tính nhanh giá trị của biểu thức T không?”.

- GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Chúng ta đã được học các phép tính cộng, trừ, nhân, chia ở tiểu học, trong chương trình lớp 6, chúng ta sẽ ôn lại và tiếp tục tìm tiểu các tính chất của phép tính để áp dụng tính nhanh một số bài toán.” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Phép cộng và phép nhân**

a. Mục tiêu:

+ HS nhớ, nhận biết lại khái niệm: số hạng, tổng; thừa số, tích và sử dụng được

+ Nhớ lại quy tắc cộng và nhân các số tự nhiên; kiểm tra khả năng vận dụng của HS.

b. Nội dung:

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV cho HS đọc đề bài Thực hành 1và yêu cầu thảo luận nhóm giải bài toán.  - GV cho HS lên bảng trình bày bài giải.  - GV yêu cầu HS nhớ lại kiến thức, trao đổi và thực hiện HĐKP1.  - GV cho HS đọc *Chú ý* và *Ví dụ* SGK.  - GV phân tích và nhấn mạnh lại *Chú ý* và *Ví dụ* để HS hiểu và ghi nhớ.  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  Bước 4: Kết luận, nhận định  - GV chữa lại đáp án, lưu ý HS kiến thức trọng tâm cần nhớ và đánh giá quá trình học. | **1**. **Phép cộng và phép nhân**  Thực hành 1:  Số tiền An đã mua là:  5 × 6000 + 6 × 5000 + 2 × 5000 = 70 000 (đồng).  Số tiền còn lại của An là:  100 000 – 70 000 = 30 000 đồng.  HĐKP1:  1 890 + 72 645 = 74 535 => Đúng.  Trong đó: 1 890 và 72 645 là các số hạng, 74 535 là tổng.  363 × 2 018 = 732 534 => Đúng  Trong đó: 363 và 2 018 là các thừa số, 732 534 là tích.  *Chú ý:*Trong một tích mà các thừa số đều bằng chữ hoặc chỉ có một thừa số bằng số, ta có thể không viết dấu nhân ở giữa các thừa số; dấu “×” trong tích các số cũng có thể thay bằng dấu “.”.  *Ví dụ*: a × b = a.b; 6 × a × b =6.a.b = 6ab;  363 × 2018 =363.2018 |

**Hoạt động 2: Tính chất của phép cộng và phép nhân số tự nhiên**

a. Mục đích:

+ Nhận biết được các tính chất của phép cộng và phép nhân.

+ Vận dụng các tính chất vào các bài toán để tính nhanh và hợp lý.

b. Nội dung:

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV chia lớp thành 4 nhóm và hoạt động trong 3p:  + GV yêu cầu Nhóm 1 và Nhóm 3 hoàn thành HĐKP2 ý a), b), d)  + GV yêu cầu Nhóm 2 và Nhóm 4 hoàn thành HĐKP2 ý c), e)  - GV chữa lại và cho HS trao đổi rút ra nhận xét sau mỗi ý.  - GV rút ra kiến thức trọng tâm và yêu cầu 1 vài HS đọc.  - GV cho HS 2p đọc, ghi nhớ các tính chất và yêu cầu HS gấp sách thực hiệ viết lại 7 tính chất bằng công thức ra nháp (2 HS nhanh nhất sẽ đươc chấm lấy điểm miệng).  - GV yêu cầu HS vận dụng các tính chất, hoàn thành Thực hành 2.  - GV cho HS đọc đề Thực hành 3, GV phân tích cho HS hiểu rõ rồi cho HS phát biểu quy tắc tính nhanh tích của một số với 9, với 99 dựa vào hai ví dụ đã có trong SGK:  + Để tính tích của một số với 9 ta thêm số 0 vào cuối số đó rồi trừ cho chính số đó.  + Để tính tích của một số với 99 ta thêm hai số 0 vào cuối số đó rồi trừ cho chính số đó.  - Dực trên sự hướng dẫn của GV, HS hoàn thành Thực hành 3.  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  - Đối với hoạt động nhóm: Các nhóm treo bảng phụ lên bảng, đại diện 1HS mỗi nhóm trình bày.  - Đối với hoạt động cá nhân:HS giơ tay phát biểu tại chỗ, trình bày bảng, các HS khác chú ý và nhận xét, bổ sung.  Bước 4: Kết luận, nhận định  - GV chốt lại đáp án, lưu ý HS và cho HS nhắc lại các tính chất. | **2. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên:**  HĐKP2:  a) 17 + 23 = 23 + 17  b) (12 + 28) + 10 = 12 + (28 +10)  c) 17. 23 = 23 . 17  d) (5 . 6) . 3 = 5 . (6 . 3)  e) 23 . (43 + 17) = 23 . 43 + 23 . 17.  \* Các tính chất: a, b, c  - Tính chất giao hoán:  a + b = b + a  a.b = b.a  - Tính chất kết hợp:  (a + b) + c = a + (b + c)  (a . b). c = a .(b . c)  - Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng:  a . (b + c) = a .b + a.c  - Tính chất cộng với số 0, nhân với số 1.  a + 0 = a  a . 1 = a  *Thực hành 2*:  T = 11 . (1 + 3 + 7 + 9) + 89 . (1 + 3 + 7 + 9)  T = (11 + 89) . [(1 + 3 + 7 + 9)]  T = `100 . 20  T = 2000  *Thực hành 3*:  a) 1 234 . 9 = 1 234 . (10 – 1) = 12 340 – 1 234 = 11 106  b) 1 234 . 99 = 1 234 . (100 – 1) = 123 400 – 1 234 = 122 166. |

**Hoạt động 3: Phép trừ và phép chia hết.**

a. Mục tiêu:

+ HS nhớ và nhận biết lại các khái niệm : Số bị trừ, số trừ, hiệu; Số bị chia, số chia, thương.

+ HS nhớ và củng cố lại quy tắc trừ và phép chia hết hai số tự nhiên

+ Vận dụng quy tức trừ và chia vào các bài toán thực tế.

b. Nội dung:

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện**:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV yêu cầu HS đọc, tìm hiểu và hoàn HĐKP3.  - GV yêu cầu HS đọc hiểu quan niệm về phép trừ và phép chia hết trong SGK-tr14,15.  - GV đánh giá mức độ hiểu của HS qua các câu hỏi sau:  + *Kết quả phép trừ a – b = x nghĩa là gì?*  *Xác định các thành phần trong phép trừ trên.*  + *Kết quả của phép chia hết a : b =x nghĩa là gì? Xác định các thành phần trong phép chia trên.*  - GV yêu cầu trao đổi, hoàn thành vận dụng.  - GV lưu ý cho HS phần chú ý.  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  Bước 4: Kết luận, nhận định  - GV chốt lại đáp án và nêu kiến thức trọng tâm cần nhớ. | **3. Phép trừ và phép chia hết**.  HĐKP3:  a) Số tiền còn thiếu là:  200 000 – 80 000 = 120 000 (đồng)  b) Cần phải thực hiện gây quỹ trong:  120 000 : 20 000 = 6 (tháng)  Vận dụng:  a) Ta có: 36 – 12 = 24  Vậy 24 năm nữa thì số tuổi An bằng tuổi mẹ An năm nay.  b) Ta có: 36 : 12 = 3  Vậy năm nay số tuổi của mẹ An bằng 3 lần số tuổi của An.  \* *Chú ý:* Phép nhân cũng có tính chất phân phối đối với phép trừ:  a. (b –c) = a.b –a.c ( b > c ) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a) Mục đích: Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

b) Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 1*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành vở, 2 HS trình bày bảng.*

Bài 1 :

a) 2 021 + 2 022+ 2 023 + 2 024 + 2 025 + 2 026 + 2 027 + 2 028 + 2 029

= (2 021 + 2 029) + (2 022 + 2 028) + (2 023 + 2 027) + (2 024 + 2 026) + 2 025

= 4 050 + 4 050 + 4 050 + 4 050 + 2025

= 18 225

b) 30 . 40 . 50 . 60

= 40 . 50 . 30 . 60

= 2000 . 1800

= 3 600 000.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

a. Mục tiêu: Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố và khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 2+ 3+ 4*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành vở, 3 HS trình bày bảng.*

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bài 2 : Mẹ Bình đã mua hết số tiền là: 9 × 6 500 + 5 × 4 500 + 2 × 5 000 = 91 000 (đồng).

Bài 3: Từ lúc đúng 8 giờ đến lúc đúng 12 giờ trưa cùng ngày nó sẽ đánh:

8 + 9 + 10 + 11 + 12 = (8 + 12) + (9 + 11) + 10 = 20 + 20 + 10 = 5 (tiếng đánh).

Vậy: Từ lúc đúng 8 giờ đến lúc đúng 12 giờ trưa cùng ngày nó sẽ đánh 5 tiếng đánh.

Bài 4: Độ dài đường xích đạo so với khoảng cách giữa hai thành phố trên là:

40 000 : 2 000 = 20 (lần).

Vậy: Độ dài đường xích đạo dài gấp 20 lần khoảng cách giữa hai thành phố trên.

*- HS nhận xét, bổ sung.*

*- GV đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**E. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Học thuộc các tính chất của phép cộng và phép nhân số tự nhiên và chú ý, ôn lại phép trừ và phép chia ở tiểu học.

- Làm bài tập 1; 2; trang 15 sách giáo khoa.

- Chuẩn bị bài hôm sau : Lũy thừa với số mũ tự nhiên.

Ngày soạn: 10/09/2023

Ngày dạy: 14/09/2023

*Bài 4:*  **LŨY THỪA VỚI SỐ MŨ TỰ NHIÊN**

Thời gian: 02 tiết từ tiết 05 - 06

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

- Phát biểu được định nghĩa lũy thừa; số mũ; cơ số; bình phương; lập phương.

- Nhận biết được hai quy tắc: nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số.

- Nhân, chia hai lũy thừa cùng có số và số mũ tự nhiên.

**2. Năng lực**

*- Năng lực riêng:*

+ Tính được giá trị của một lũy thừa.

+ Thực hiện phép nhân, phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.

*- Năng lực chung:* Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất: Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1 - GV: Láp tốp, máy tính casio, ti vi, thước thẳng, bảng phụ.

2 - HS : Đồ dùng học tập cá nhân, bảng nhóm

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

a. Mục tiêu

+ Giúp HS có hứng thú với nội dung bài học.

+ Hình dung được kiến thức tìm hiểu trong bài.

b. Nội dung: HS quan sát trên màn chiếu hoặc SGK hoàn thành yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chiếu Slide và yêu cầu HS nhắc lại “diện tích hình vuông”; “diện tích hình lập phương” biết cạnh của mỗi hình là a.

- GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS quan sát, trao đổi, nhớ lại kiến thức và trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó đặt vấm đề, dẫn dắt HS vào bài học mới: “ Diện tích hình vuông là : a. a = a2 ; Diện tích hình lập phương là: a.a.a = a3. Vậy an =? ” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Lũy thừa**

a. Mục tiêu:

- Nhằm làm cho HS thấy có nhu cầu phải tính những tích của nhiều thừa số bằng nhau.

- Nhận biết được biểu thức lũy thừa, cơ số, số mũ, biết cách đọc lũy thừa từ đó biết cách tính lũy thừa bậc n.

b. Nội dung:

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV cho HS đọc hiểu nội dung đầu mục.  - GV giảng, phân tích cho HS hiểu và yêu cầu HS lấy VD tương tự:  “Ta đã biết cách viết gọn tổng của nhiều số hạng bằng nhau thành phép nhân, chẳng hạn:  6 + 6 + 6 + 6 = 6 . 4  Đối với tích của nhiều thừa số bằng nhau: 6. 6. 6 = 64.  Ta gọi 64 là một lũy thừa.”  - GV yêu cầu HS hoàn thành HĐKP1.  - GV yêu cầu HS đọc hiểu nội dung mục này trong SGK và đánh giá kết quả dực trên các câu hỏi, hoạt động sau:  + *an nghĩa là gì?*  *+ a bình phương là gì?*  *+ a lập phương là gì?*  - GV yêu cầu 1 vài HS đọc lại nội dung kiến thức trọng tâm.  - GV lưu ý HS phần quy ước và cách đọc.  - GV phân tích Ví dụ 1 cho HS nắm được các thành phần trong lũy thừa và yêu cầu HS lấy Ví dụ tương tự.  - GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành thực hành 1  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  Bước 4: Kết luận, nhận định  - GV chữa lại đáp án, lưu ý HS kiến thức trọng tâm cần nhớ và đánh giá quá trình học. | **1**. **Lũy thừa**  Ví dụ: 10.10.10.10.10.10 = 106  HĐKP1:  a) 5 . 5 . 5 = 53  b) 7 . 7. 7. 7. 7. 7 = 76  Lũy thừa bậc n của a kí hiệu an, là tích của n thừa số a:  an = ( n N\*)    n thừa số a  an đọc là “ a mũ n” hoặc “ a lũy thừa n”  trong đó : a là cơ số.  n là số mũ.  => Phép nâng nhiều thừa số bằng nhau gọi là phép nâng lũy thừa.  *\* Chú ý*: Ta có a1 = a.  a2 cũng được gọi là bình phương ( hay bình phương của a).  a3 cũng được gọi là lập phương (hay lập phương của a).  VD:  93 đọc là “ chín mũ ba” hoặc “chín lũy thừa ba” hoặc “lũy thừa bậc ba của 9” hoặc “lập phương của 9”.  93 = 9.9.9 = 729  *Thực hành 1:*  a) 3 . 3 . 3 = 33 = 27      6 . 6 . 6 . 6 = 64 = 1296  b) 32 còn gọi là 3 mũ 2 hay lũy thừa bậc 2 của 3      53 còn gọi là 5 mũ 3 hay lũy thừa bậc 3 của 5  c) 310 đọc là 3 mũ 10, 3 lũy thừa 10 hay lũy thừa bậc 10 của 3  => 310 thì 3 là cơ số, 10 là số mũ.      1105 đọc là 10 mũ 5, 10 lũy thừa 5 hay lũy thừa bậc 5 của 10  => 105 thì 10 là cơ số, 5 là số mũ. |

**Hoạt động 2: Nhân hai lũy thừa cùng cơ số**

**a. Mục đích:**

**+** HS khám phá và vận dụng quy tắc nhân hai lũy thừa cùng cơ số.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân hoàn thành HĐKP2.  - Từ HĐKP2, GV dẫn dắt khái quát hóa thành quy tắc nhân hai lũy thừa cùng cơ số:  *Khi nhân hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và cộng số mũ:*  am.an= am+n  -GV lấy ví dụ bằng cách phân tích *Ví dụ 2* .  - GV cho 1 vài HS đọc lại quy tắc.  - GV yêu cầu HS áp dụng quy tắc làm bài Thực hành 2.  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  -HS giơ tay phát biểu tại chỗ, trình bày bảng, các HS khác chú ý và nhận xét, bổ sung.  Bước 4: Kết luận, nhận định  - GV chốt lại đáp án, lưu ý HS và cho HS nhắc lại quy tắc nhân hai lũy thừa cùng cơ số. | **2. Nhân hai lũy thừa cùng cơ số**  HĐKP2**:**  a) 3 . 33 = 3.3.3.3 = 34  b) 22 . 24 = 2.2.2.2.2.2 = 26  **\*** *Quy tắc:*  *Khi nhân hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và cộng số mũ:*  am.an= am+n  *Thực hành 2:*  33 . 34 = 33+4 = 37  104 . 33 = 104+3 = 107  x2 . x5 = x2+5 = x7 |

**Hoạt động 3: Chia hai lũy thừa cùng cơ số**

a. Mục tiêu:

+ HS khám phá và vận dụng quy tắc chia hai lũy thừa cùng cơ số.

b. Nội dung:

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV yêu cầu HS đọc, tìm hiểu và hoàn HĐKP3.  - Từ HĐKP3, GV dẫn dắt khái quát hóa thành quy tắc chia hai lũy thừa cùng cơ số:  *Khi chia hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và trừ số mũ:*  am.an= am+n ( a 0; m n)  -GV lấy ví dụ bằng cách phân tích *Ví dụ 3* .  - GV cho 1 vài HS đọc lại quy tắc.  - GV yêu cầu HS áp dụng quy tắc làm bài Thực hành 3.  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  Bước 4: Kết luận, nhận định  - GV chốt lại đáp án và nêu lại quy tắc chia hai lũy thừa cùng cơ số. | **3. Chia hai lũy thừa cùng cơ số**  HĐKP3:  a) Có: 55. 52 = 57  => 57 : 52 = 55 và 57 : 55 = 52  b)Nhận xét: Số mũ của thương bằng hiệu của số mũ số bị chia và số mũ của số chia.  Từ đó ta tính:      79 : 72 = 79−2 = 77      65 : 63 = 65−3= 62  **\*** *Quy tắc***:**  *Khi chia hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và trừ số mũ:*  am:an= am-n ( a 0; m n)  Quy ước: a0 = 1 (a 0).  *Thực hành 3:*  117 : 113= 117-3 = 114      117 : 117= 117-7 = 110= 1      72 . 74 = 72+4 = 76      72 . 74: 73 = 72+4-3= 73  b) 97 : 92 = 95 => Đúng.      710 : 72 = 75=> Sai.  ( 710 : 72 = 710-2 = 78.)      211 : 28 = 6=> Sai.  (211 : 28= 211-8 = 23= 8)      56 : 56 = 5 => Sai.  (56 : 56= 1.) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a) Mục đích: Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

b) Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- *GV treo bảng phụ và yêu cầu HS hoàn thành bài tập 1.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, lên bảng.*

Bài 1 :

|  |  |
| --- | --- |
| **Cột A** | **Cột B** |
| 37.33 | 517 |
| 59 : 57 | 23 |
| 211: 28 | 310 |
| 512.55 | 52 |

- *GV yêu cầu HS hoàn thành Bài 2.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành vở, 2 HS lên bảng trình bày.*

Bài 2:

a) 57 . 55 = 57+5 = 512.

   95 : 80 =95 : 1 = 95.

   210 : 64 . 16 = 210 : 26 . 24= 210-6+4= 28.

b) 54 297 = 5 . 10000 + 4 . 1000 + 2 . 100 + 9 . 10 + 7

                = 5 . 104 = 4 . 103 + 2 . 102 + 9 . 10 + 7

     2 023 = 2 . 1000 + 0. 100 + 2 . 10 + 3

               = 2 . 103 + 2 . 10 + 3

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

a. Mục tiêu: Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố và khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung: HS dựa vào kiến thức dã học,vận dụng làm bài tập*.*

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 3+ 4*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành vở, 3 HS trình bày bảng*

Bài 3: Viết dân số của Việt Nam dưới dạng tích của một số với một lũy thừa của 10 như sau:

98 000 000 = 98. 1 000 000 = 98 . 106

Bài 4:

a) Khối lượng của Trái Đất = 6 . 1021tấn

Khối lượng của Mặt Trăng = 75 . 1018 tấn

b) Khối lượng Trái Đất gấp khối lượng Mặt Trăng:

(6 . 1021) : (75 . 1018) = 6 000. 1018 : 75.1018 = 80 (lần)

*- HS nhận xét, bổ sung.*

*- GV đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**E. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Học thuộc định nghĩa lũy thừa bậc n của a và quy tắc nhân chia hai lũy thừa cùng cơ số.

- Làm bài tập 1; 2; trang 18 sách giáo khoa.

- Chuẩn bị bài hôm sau : Thứ tự thực hiện các phép tính.

Ngày soạn: 17/09/2023

Ngày dạy: 19/09/2023

*Bài 5:*  **THỨ TỰ THỰC HIỆN CÁC PHÉP TÍNH**

Thời gian: 02 tiết từ tiết 07 - 08

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

- Biết thực hiện đúng thứ tự các phép tính trong một biểu thức.

- Biết sử dụng máy tính cầm tay tính giá trị của biểu thức.

**2. Năng lực**

*- Năng lực riêng:*

+ Tính được giá trị biểu thức số, biểu thức chữ bằng cách vận dụng các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính.

+ Lập được biểu thức tính kết quả của một số bài toán thực tiễn quen thuộc.

*- Năng lực chung:*Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**-** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.GV:** Tài liệu giảng dạy; SGK; Giáo án , máy tính xách tay có cài sẵn phần mềm giả lập máy tính Casio fx – 570 VN PLUS, máy chiếu.

**2. HS**: Đồ dùng học tập; SGK; SBT; máy tính cầm tay.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

a. Mục tiêu

+ Gây chú ý để HS quan tâm tới thứ tự thực hiện các phép tính.

b. Nội dung: HS quan sát trên màn chiếu hoặc SGK hoàn thành yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Nhận biết được kiến thức chuẩn bị tìm hiểu trong bài.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS thực hiện phép tính:

6 – ( 6 : 3 + 1) . 2

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thực hiện tính theo suy nghĩ cá nhân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV hỏi đáp nhanh đáp án của tất cả HS và gọi 1 vài HS nếu cách thực hiện phép tính.

Bước 4: Kết luận, nhận định:GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó đặt vấn đề, dẫn dắt HS vào bài học mới: “ Muốn biết kết quả của bạn nào đúng, bạn nào sai. Tại sao bạn này đúng? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay.” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Thứ tự thực hiện phép tính**

a. Mục tiêu:

+ Nhớ lại và nhận biết được một đối tượng đã cho có phải là biểu thức hay không.

+ Nhận biết và nắm được hệ thống các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính.

+ Kiểm tra khả năng nhận biết các kiến thức và vận dụng vào đời sống.

b. Nội dung:

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV cho HS nhớ và nhắc lại về biểu thức.  - GV chốt lại khái niệm biểu thức một cách ngắn gọn: *Gồm các phép toán cộng, trừ, nhân, chia và nâng lên lũy thừa của các con số hoặc chữ.*  ( GV không bắt HS học thuộc mà chỉ cần HS nhận biết được đối tượng cụ thể cho có phải là biểu thức không)  - GV yêu cầu HS suy nghĩ và hoàn thành **HĐKP.**  - GV dẫn dắt, yêu cầu HS đọc hiểu quy ước về thực hiện các phép tính trong một biểu thức .  - GV phân tích và lấy Ví dụ cho HS dễ hình dung (GV vừa giảng vừa bao quát lớp bảo đảm 100% ghi chép đầy đủ, chính xác):  - Đối với biểu thức có dấu ngoặc  Nếu chỉ có phép cộng và phép trừ ( hoặc chỉ có phép nhân và phép chia) thì thực hiên các phép tính từ trái qua phải, chẳng hạn:  52 – 8 + 11 = 44 + 11 = 55  60 : 10 × 5 = 30  Nếu có phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa thì ta thực hiện phép tính nâng lên lũy thừa trước, rồi đến nhân chia, cuối cùng đến cộng và trừ, chẳng hạn:  10 + 2 . 42 = 10 + 2. 16 = 10 + 32 = 42  - Đối với biểu thức không có dấu ngoặc:  Nếu chỉ có một dấu ngoặc thì ta thực hiện phép tính trong dấu ngoặc trước. Chẳng hạn:  ( 10 + 17) : 9 = 27 : 9 = 3  Nếu có các dấu ngoặc tròn **( )** , dấu ngoặc vuông **[ ]**, dấu ngoặc nhọn **{ }** thì ta thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc tròn trước, rồi thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc vuông, cuối cùng thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc nhọn. Chẳng hạn:  {15 + 2.[8-(5-3)]} : 9  = 15 + 2.[8-2]} : 9  = {15 + 2.6} : 9  = {15+12} :9  = 27 : 9 = 3  - GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 1 được trình bày trong SGK – tr19.  - GV yêu cầu HS áp dụng quy tắc để hoàn thành thực hành 1( 2 HS lên bảng trình bày).  - GV cho HS trao đổi, thảo luận nhóm hoàn thành thực hành 2( 2 HS lên bảng trình bày).  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - HS giơ tay, trình bày bảng, cácHS khác hoàn thành vở.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  Bước 4: Kết luận, nhận định  - GV chữa lại đáp án, cho 1 vài HS nêu lại thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức và đánh giá quá trình học của HS. | **1**. **Thứ tự thực hiện phép tính**  HĐKP:  Có các kết quả khác nhau đó vì:  + An có kết quả bằng 0 vì An thực hiện lần lượt các phép tính từ trái sang phải (sai thứ tự các phép tính):  6 – 6 : 3 . 2 = 0 : 3. 2 = 0  + Bình có kết quả bằng 2 vì Bình thực hiện đúng theo quy tắc nhân chia trước, cộng trừ sau:  6 – 6 : 3 . 2 = 6 – 2. 2 = 6 - 4 = 2  + Chi có kết quả bằng 5 vì Chi thực hiện 3.2 trước ( sai thứ tự phép tính):  6 – 6 : 3 . 2 = 6 – 6 : 6= 6 -1 = 5  \* Khi thực hiện các phép tính trong một biểu thức:  - Với các biểu thức không có dấu ngoặc: Lũy thừaNhân và chiaCộng và trừ  VD:  52 – 8 + 11 = 44 + 11 = 55  60 : 10 × 5 = 30  10 + 2 . 42 = 10 + 2. 16  = 10 + 32 = 42  - Với các biểu thức có dấu ngoặc: trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau:  ( ) [ ] { }  VD:  ( 10 + 17) : 9 = 27 : 9 = 3  {15 + 2.[8-(5-3)]} : 9  = {15 + 2.[8-2]} : 9  = {15 + 2.6} : 9  = {15+12} :9  = 27 : 9 = 3  *Thực hành 1:*  a) 72 . 19 - 362 : 18 = 1368 – 72 = 1296.  b) 750 : {130 – [(5 . 14 – 65)3 + 3]}  = 750 : {130 – [(70 – 65)3 + 3]}  = 750 : {130 – [(5)3 + 3]}  = 750 : (130 – 128)  = 750 : 2  = 375  *Thực hành 2:*  a) (13x- 122) : 5 = 5  13x- 122 = 25  13x = 25 + 122  13x = 25 + 144  13x = 169  x = 169 : 13  => x = 13  b) 3x [82 - 2.(25 - 1)] = 2 022  3x = 2 022: [82 - 2 . (25 - 1)]  3x = 2 022 : [ 64 – 2.31]  3x = 2 022 : 2  x = 1 011 : 3  => x = 337 |

**Hoạt động 2: Sử dụng máy tính cầm tay**

a. Mục đích:

- HS biết chức năng và sử dụng một số phím chức năng chính của máy tính: Mở (tắt) máy; Xóa màn hình ; Chọn chế độ tính toán số học ; Nhận kết quả.

- HS biết thực hiện các phép tính số học cơ bản : Cộng, trừ, nhân, chia hai số tự nhiên ; Lũy thừa của một số tự nhiên ; Bình phương ; Lập phương ; Tìm thương ( và dư, nếu có).

- HS biết nhập biểu thức tính toán ( có dấu ngoặc) : biểu thức hiện trên màn hình giống như sách, vở.

b. Nội dung:

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện**:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV giới thiệu: Có rất nhiều loại MTCT. Em hãy nêu 1 số loại máy tính cầm tay mà em biết.  - Sau khi HS trả lời, GV chiếu Slide và giới thiệu 1 số loại máy tính cầm tay.  - GV dẫn dắt: “Trên thị trường có rất nhiều loại máy tính cầm tay khác nhau, chúng ta sẽ tìm hiểu các tính năng trên của máy Casio fx 570VN PLUS, một loại máy tính cầm tay khá phổ biến.”  - GV chiếu Slide “Bản giả lập Máy tính fx 500 VN PLUS” và giới thiệu một số phím chức năng chính của MTCT ( HS nghe và thực hành theo):    + Nút mở máy:  + Nút tắt máy:  + Các nút số từ 0 đến 9.  + Nút dấu cộng, dấu trừ, dấu nhân, dấu chia.  + Nút dấu “=” cho phép hiện ra kết quả trên màn hình số.  + Nút xóa:  + Nút xóa toàn bộ phép tính vừa thực hiện:  + Nút dấu ngoặc trái và phải:  + Nút tính lũy thừa:  - GV yêu cầu HS đọc hiểu và thực hiện theo *Ví dụ 2.*  - GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức hoàn thành Thực hành 3.  - GV lưu ý cho HS :  *Khi nhập phép nhân một số với tổng, trước dấu ngoặc không cần bấm phím* .  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  -HS giơ tay phát biểu tại chỗ, trình bày bảng, các HS khác chú ý và nhận xét, bổ sung.  - Đối với bài thực hành 3, HS lên thực hiện thao tác trên bản gải lập máy tính cho cả lớp cùng theo dõi và nhận xét.  Bước 4: Kết luận, nhận định  - GV chốt lại đáp án, lưu ý HS và cho HS nhắc lại quy tắc nhân hai lũy thừa cùng cơ số. | **2. Sử dụng máy tính cầm tay**  Thực hành 3:  a) 93. ( 4327 – 1928) + 2500  - Nút ấn:  -Kết quả:    b) 53. (64.19 + 26.35) – 210  - Nút ấn:  - Kết quả: |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a) Mục đích: Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

b) Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS hoàn thành Bài 1+ 2.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành vở, mỗi bài 2 HS lên bảng trình bày.*

Bài 1:

a) 2 023 + 252: 53 + 27 = 2 023 + (5 2)2 : 53+ 27 = 2 023 + 54: 53+ 27

= 2 023 + 5 + 27 = 2 055

b) 60 : [7 . (112 - 20 . 6) + 5] = 60 : [7 . (112 - 20 . 6) + 5] = 60 : [7 . (121 - 20 . 6) + 5]

= 60 : [7 . (121 - 120) + 5] = 60 : (7 . 1 + 5) = 60 : 12 = 5

Bài 2:

a) (9x + 23) : 5 = 2

9x + 23 = 2 . 5

9x + 23 = 10

9x = 10 - 23

9x = 10 – 8

9x = 2=> x =

b) [34 - (82 + 14) : 13]x = 53 + 102

[34 - (82 + 14) : 13]x =225

x = 225 : [34 - (82 + 14) : 13]

x = 225 : (34 - 78 : 13)

x = 225 : (34 - 6)

x = 225 : 75

=> x = 3

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

a. Mục tiêu: Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố và khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 3+ 4*

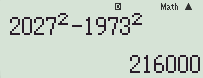
*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành vở ( 2 HS lên thực hiện trên bản giả lập máy tính bài 3, 1HS lên bảng trình bày bài 4)*

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

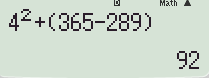
Bài 3: a) 20272 – 19732

- Nút ấn: 

- Kết quả: 

b) 42 + (365 – 289) . 71

- Nút ấn: 

- Kết quả: 

Bài 4: Tổng số tiền mua văn phòng phẩm của cơ quan là:

35 . 10 + 67 . 5 + 100 . 5 + 35 . 7 + 35 . 5 = 1 605 (nghìn đồng).

Đáp án: 1 605 nghìn đồng.

*- HS nhận xét, bổ sung.*

*- GV đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**E. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Học thuộc ghi nhớ khi thực hiện các phép tính trong một biểu thức.

- Luyện tập thực hành lại sử dụng máy tính cầm tay.

- Làm thực hành 1, bài 2 và bài 3 trang 19; 20 SGK.

- Chuẩn bị bài học hôm sau: Chia hết và chia có dư. Tính chất chia hết của một tổng.

Ngày soạn: 17/09/2023

Ngày dạy: 22/09/2023

*Bài 6:*  **CHIA HẾT VÀ CHIA CÓ DƯ.**

**TÍNH CHẤT CHIA HẾT CỦA MỘT TỔNG**

Thời gian: 02 tiết từ tiết 09 - 10

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

***-*** Nhận biết: + Phép chia hết, phép chia có dư trong tập hợp số tự nhiên.

+ Tính chia hết của một tổng .

- Hiểu và biết cách sử dụng các kí hiệu ” , “”

**2. Năng lực**

- Năng lực riêng: Vận dụng được tính chất chia hết của một tổng để giải bài toán và giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn.

- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**-** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. GV: Láp tốp, máy tính casio, ti vi, thước thẳng, bảng phụ.

2. HS : Đồ dùng học tập cá nhân, bảng nhóm. Ôn tập về phép chia hết và phép chia có dư.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

a) Mục tiêu:

+ Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài.

b) Nội dung: HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Từ bài toán HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV đặt tình huống: “Có thể chia đều 7 quyển vở cho 3 bạn được không?”.

+ GV cho HS suy nghĩ và thực hành chia cho cả lớp cùng quan sát.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS chú ý lắng nghe , trao đổi và dự đoán trả lời

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Để biết ta có thể chia đều số vở đó cho 3 bạn được không? Tại sao? Cách chia như thế nào? Ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay.” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Chia hết và chia có dư**

a) Mục tiêu:

+ Hình thành khái niệm chia hết và biết sử dụng kí hiệu “” ; “”

+ Biết cách xác định quan hệ chia hết, chia có dư trong trường hợp đã cho.

b) Nội dung: HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV yêu cầu HS đọc đề HĐKP1,suy nghĩ và hoàn thành**.**  - GV gợi ý HS thực hiện phép chia 15 : 3 và 7 : 3.  - GV dẫn dắt để HS rút ra nhận xét như trong SGK.  - GV phân tích cho HS hiểu rõ và yêu cầu HS đọc hiểu kiến thức trọng tâm trình bày trong SGK.  - GV nhấn mạnh lại kiến thức trọng tâm và lưu ý HS : Số dư phải nhỏ hơn số chia. ( 0 r < b).  - Gv yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thực hành 1.  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính. | **1. Chia hết và chia có dư**  HĐKP1:  - Vì 15 3 => Có thể chia đều 15 quyển vở cho 3 bạn. Mỗi bạn được 5 quyển vở.  - Vì 7 : 3 = 2 dư 1 => 7  3 => Không thể chia đều 7 quyển vở cho 3 bạn.  \* Kiến thức trọng tâm:  Cho a, b ( b 0). Ta luôn tìm được đúng hai số q, r : a = b.q + r ( 0 r < b) ( q, r lần lượt là thương và số dư trong phép chia a cho b.)  + Nếu r = 0 tức a = b . q, ta nói a chia hết cho b, kí hiệu a bvà ta có phép chia hết a : b = q.  + Nếu r ≠ 0, ta nói a không chia hết cho b, kí hiệu a  b và ta có phép chia có dư.  *Thực hành 1:*  a) 255 : 3 = 85 ( dư 0)  157 : 3 = 52 dư 1.  5105 : 3 = 1701 dư 2.  b)  Ta có 17 = 4 . 4 + 1  Ta thấy 17 bạn vào cho 4 xe taxi sẽ dư ra 1 người.  Vậy không thể sắp xếp cho 17 bạn vào 4 xe taxi. |

**Hoạt động 2: Tính chất chia hết của một tổng**

a) Mục tiêu:

+ HS hình thành tính chất chia hết của một tổng.

b) Nội dung: HS quan sát SGK, chú ý lắng nghe và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

c) Sản phẩm: Hs nắm vững kiến thức, kết quả của HS

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi HĐKP2.  - GV cho HS rút ra nhận xét, GV khái quát thành *Tích chất 1* và cho HS ghivào vở.  - GV phân tích cho HS *Ví dụ 1* để HS hiểu và nắm được cách trình bày.  - GV lưu ý cho HS:  + *Tính chất 1* cũng đúng với một hiệu: (a b)  Nếu a n và b n thì ( a-b) n.  + *Tính chất 1* có thể mở rộng cho một tổng có nhiều số hạng:  Nếu a n và b n, c n thì ( a+b+c) n.  Trong một tổng, nếu mọi số hạng đều chia hết cho cùng một số thì tổng cũng chia hết cho số đó.  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi hoàn thành HĐKP3.  - GV cho HS rút ra nhận xét, GV khái quát thành *Tích chất 2* và cho HS ghivào vở.  - GV lưu ý cho HS:  + *Tính chất 2* cũng đúng với một hiệu (a > b)  Nếu a ⋮̸ n và b n thì ( a-b) ⋮̸ n.  Nếu a n và b ⋮̸ n thì ( a-b) ⋮̸ n.  + *Tính chất 2* có thể mở rộng cho một tổng nhiều số hạng:  Nếu a ⋮̸ n, b n, c n thì ( a + b + c) ⋮̸ n.  Nếu trong một tổng chỉ có đúng một số hạng không chia hết cho một số, các số hạng còn lại đều chia hết cho số đó thì tổng không chia hết cho số đó.  - GV phân tích cho HS *Ví dụ 2* để HS hiểu rõ lưu ý.  - GV yêu cầu HS hoạt động, suy nghĩ và thảo luận nhóm hoàn thành thực hành 2.  - GV yêu cầu HS hoàn thành Vận dụng.  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  - HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  - HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu.  Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **2. Tính chất chia hết của một tổng.**  HĐKP2:  - Hai số chia hết cho 11 là: 22 và 33.  Ta có 22 + 33 = 55 ⋮ 11  - Hai số chia hết cho 13 là: 26 và 39  Ta có 26 + 39 = 65 ⋮ 13  *Tính chất 1:*  Cho a, b, n , n 0. Nếu a n và b n thì ( a+b) n.  \* Nhận xét:  - *Tính chất 1* cũng đúng với một hiệu: (a b)  Nếu a n và b n thì ( a-b) n.  - *Tính chất 1* có thể mở rộng cho một tổng có nhiều số hạng:  Nếu a n và b n, c n thì ( a+b+c) n.  Trong một tổng, nếu mọi số hạng đều chia hết cho cùng một số thì tổng cũng chia hết cho số đó.  HĐKP3:  - Vì 12 6 và 10 ⋮̸ 6  => 12 + 10 = 22 ⋮̸ 6  12 – 10 = 2 ⋮̸ 7  - Vì 14 7 và 9 ⋮̸ 7  => 14 + 9 = 23 ⋮̸ 7  14 – 9 = 5 ⋮̸ 7  *Tính chất 2:*  Cho a, b, n , n 0. Nếu a ⋮̸ n và b n thì ( a+b) ⋮̸ n.  \* Nhận xét:  + *Tính chất 2* cũng đúng với một hiệu (a > b)  Nếu a ⋮̸ n và b n thì ( a-b) ⋮̸ n.  Nếu a n và b ⋮̸ n thì ( a-b) ⋮̸ n.  + *Tính chất 2* có thể mở rộng cho một tổng nhiều số hạng:  Nếu a ⋮̸ n, b n, c n thì ( a + b + c) ⋮̸ n.  Nếu trong một tổng chỉ có đúng một số hạng không chia hết cho một số, các số hạng còn lại đều chia hết cho số đó thì tổng không chia hết cho số đó.  *Thực hành 2*:  a) + Vì 1200 ⋮ 4 và 440 ⋮ 4  => 1200 + 440 ⋮ 4.  + Vì 440 ⋮ 4 và 324 ⋮ 4  => 440 – 324 ⋮ 4.  + Vì 2 . 3 . 4 . 6 ⋮ 4 và 27 ⋮̸ 4  => 2 . 3 . 4 . 6 ⋮̸ 4.  b) Có: 13 ⋮̸ 5 và 17 ⋮̸ 5 nhưng 13 + 17 = 30 ⋮ 5.  Vận dụng:  A = 12 + 14 + 16 + x  Ta có: 12 ⋮ 2, 14 ⋮ 2 và 16 ⋮ 2  Nên x ⋮ 2 thì A ⋮ 2          x ⋮̸ 2 thì A ⋮̸ 2. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a) Mục tiêu: Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

b) Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* Bài 1 + 2 + 3

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án*

Bài 1: a ) Đúng. Vì 1560 ⋮ 15 và 390 ⋮ 15 nên 1560 + 390 ⋮ 15.

b) Đúng. Vì 456 ⋮̸ 10 và 555 ⋮̸ 10 nên 456 + 555 ⋮̸ 10.

c) Sai. Vì 77 ⋮ 7 và 49 ⋮ 7 nên 77 + 49 ⋮ 7.

d) Đúng. Vì 6 624 ⋮ 6 và 1 806 ⋮ 6 nên 6 624 – 1 806 ⋮ 6.

Bài 2:a) 144 = 3 . 48 => 144 : 3 là phép chia hết.

b) 144 = 13 . 11 + 1 => 144 chia 13 dư 1.

c) 144 = 30 . 4 + 24 => 144 chia 30 dư 24.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

a) Mục tiêu: Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* Bài 4

Tổng số quyển sách lớp 6A thu được là : 36 + 40 + 15 = 91 quyển.

Ta có: 91 = 4 . 22 + 3 nên 91 *không chia hết cho 4*.

Vì vậy không thể chia được số sách đã thu được thành 4 nhóm với số lượng quyền bằng nhau.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**E.HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Học thuộc tổng quát phép chia hết và phép chia có dư, tính chất 1, tính chất 2, nhận xét tính chất chia hết của một tổng

- Làm vận dụng và bài 3 trang 23; 24 SGK.

- Chuẩn bị bài học hôm sau: Dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5.

Ngày soạn: 24/09/2023

Ngày dạy: 28/09/2023

*Bài 7:*  **DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 2, CHO 5**

Thời gian: 02 tiết từ tiết 11 - 12

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

***-*** Phát biểu được dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5.

- Nhận biết một số chia hết cho 2 và 5.

**2. Năng lực**

- Năng lực riêng: Vận dụng được các dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 trong giải quyết vấn đề toán học và trong thực tiễn.

- Năng lực chung:Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**-** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. GV: Láp tốp, máy tính casio, ti vi, thước thẳng, bảng phụ.

2. HS : Đồ dùng học tập cá nhân, bảng nhóm .

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

a) Mục tiêu:

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

+ Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài.

b) Nội dung: HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Từ bài toán HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV đặt vấn đề qua bài toán: “Tìm số dư của phép chia 71 001 cho 2 và cho 5?”

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hoàn thành bài toán ra nháp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Làm thế nào để biết một số có chia hết cho 2, cho 5 hay không mà không cần thực hiện phép chia. Để biết được đó là cách nào?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Dấu hiệu chia hết cho 2.**

a) Mục tiêu:

+ HS nhận ra được dấu hiệu chia hết cho 2 .

+ Củng cố vận dụng dấu hiệu chia hết kết hợp tính chất chia hết của một tổng (hiệu).

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV cho HS hoạt động nhóm đôi, hoàn thành HĐKP1.  - GV nhận xét, rút ra dấu hiệu chia hết cho 2.  - GV cho 1 vài HS đọc, phát biểu dấu hiệu chia hết cho 2.  - GV cho HS đọc hiểu *Ví dụ 1* để hình dung cách trình bày.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện thực hành 1.  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Dấu hiệu chia hết cho 2 . | **1. Dấu hiệu chia hết cho 2.**  HĐKP1:  Các đội A, B, C, H, I có tổng số người là số chẵn nên chia hết cho 2.  Vì vậy, trong các đội thì các đội có thể xếp được thành hai hàng có số người bằng nhau là đội A, B, C, H, I.  Dấu hiệu chia hết cho 2:  Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 (tức chữ số chẵn) thì chia hết cho 2 và chỉ những số đó mới chia hết cho 2.  *Thực hành 1:*  a) Các số lớn hơn 1000 và chia hết cho 2 là các số chẵn và lớn hơn 1000.  Ví dụ: 1002, 1256  b) Các số lớn hơn 100 và không chia hết cho 2 là các số lẻ và lớn hơn 1000.  Ví dụ: 103, 159 |

**Hoạt động 2: Dấu hiệu chia hết cho 5.**

a) Mục tiêu:

+ HS nhận ra được dấu hiệu chia hết cho 5.

+ Củng cố vận dụng dấu hiệu chia hết kết hợp tính chất chia hết của một tổng (hiệu).

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV cho HS hoạt động nhóm đôi, hoàn thành HĐKP2.  - GV nhận xét, rút ra dấu hiệu chia hết cho 5.  - GV cho 1 vài HS đọc, phát biểu dấu hiệu chia hết cho 5.  - GV cho HS đọc hiểu *Ví dụ 2* để hình dung cách trình bày.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện thực hành 2.  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Dấu hiệu chia hết cho 5 . | **2. Dấu hiệu chia hết cho 5.**  HĐKP2:  Các số chia hết cho 5 là: 10, 15, 25, 95.  Chữ số tận cùng của các số chia hết cho 5 là 0 và 5.  Dấu hiệu chia hết cho 5:  Các số có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5 thì chia hết cho 5 thì chia hết cho 5 và chỉ những số đó mới chia hết cho 5.  *Thực hành 2:*  a) Thay dấu \* bởi các chữ số 0, 2, 4, 6, 8 thì  chia hết cho 2.  b) Thay dấu \* bởi các chữ số 0, 5 thì  chia hết cho 5.  c) Thay dấu \* bởi chữ số 0 thì   chia hết cho cả 2 và 5. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a) Mục tiêu: Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

b) Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* Bài 1 + 2 **(***SGK – tr25)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án*

Bài 1 :

a) Số chia hết cho 2 là 1010. Bởi vì 1 010 có chữ số tận cùng là 0.

b) Số chia hết cho 5 là 19 445. Bởi vì 19 445 có chữ số tận cùng là 5.

c) Số chia hết cho 10 là 1 010. Bởi vì 19 445 có chữ số tận cùng là 0.

Bài 2:

a) 146 +  550 chia hết cho 2. Vì 146 ⋮ 2 và 550 ⋮ 2 nên 146 +  550 ⋮ 2.

b) 575 – 40 chia hết cho 5. Vì 575 ⋮ 5 và 40 ⋮ 5 nên 575 – 40 ⋮ 5

c) 3 . 4 . 5 + 83 không chia hết cho 2, không chia hết cho 5

d) 7 . 5 . 6 – 35 . 4 chia hết cho 2 và chia hết cho 5.

Vì 7 . 5 . 6 ⋮ 2 và 35 . 4 ⋮ 2 nên 7 . 5 . 6 – 35 . 4 ⋮ 2.

Vì 7 . 5 . 6 ⋮ 5 và 35 . 4 ⋮ 5 nên 7 . 5 . 6 – 35 . 4 ⋮ 5.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

a) Mục tiêu: Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :*

Bài 3:

a) Ta có: 35 ⋮ 5

               40 ⋮ 5

=> Lớp 6A và 6D có thể chia thành 5 tổ có cùng số tổ viên.

b) Ta có: 36 ⋮ 2

               40 ⋮ 2

=> Lớp 6B và 6D có thể chia tất cả các bạn thành các đôi bạn học tập.

Bài 4: Ta có: 19 ⋮̸ 5 và 40 ⋮ 5 nên 19 + 40 ⋮̸ 5.

Vì vậy Bà Huệ không thể chia số quả xoài và quýt thành 5 phần bằng nhau.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**E. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Học thuộc dấu hiệu chia hết cho 2 và dấu hiệu chia hết cho 5 trong sách giáo khoa.

- Làm vận dụng và bài 3 ,4 trang 25 SGK.

- Chuẩn bị bài học hôm sau: Dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9.

Ngày soạn: 01/10/2023

Ngày dạy: 03/10/2023

*Bài 8:*  **DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 3, CHO 9**

Thời gian: 02 tiết từ tiết 13 - 14

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Phát biểu được dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9.

- Nhận biết một số chia hết cho 3 và 9.

**2. Năng lực**

- Năng lực riêng: Vận dụng được các dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9 trong giải quyết vấn đề toán học và trong tình huống thực tiễn.

- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**-** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. GV: Láp tốp, máy tính casio, ti vi, thước thẳng, bảng phụ.

2. HS : Đồ dùng học tập cá nhân, bảng nhóm .

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

a) Mục tiêu:

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

+ Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài.

b) Nội dung: HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Từ bài toán HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV đặt vấn đề qua bài toán: “Tìm số dư của phép chia 27 009 cho 3 và cho 9?”.

+ GV hỏi thêm: “Một số chia hết cho 3 thì có chia hết cho 9 không?”

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hoàn thành bài toán ra nháp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

- Bước 4: Kết luận, nhận định:GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Làm thế nào để biết một số có chia hết cho 3, cho 9 hay không mà không cần thực hiện phép chia. Và một số chia hết cho 3 có chia hết cho 9 không?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Dấu hiệu chia hết cho 9.**

a) Mục tiêu:

+ HS nhận ra được dấu hiệu chia hết cho 9.

+ Củng cố vận dụng dấu hiệu chia hết kết hợp tính chất chia hết của một tổng (hiệu).

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV cho HS đọc hiểu HĐKP1, trao đổi, thảo luận hoàn thành HĐKP1.  - GV chốt lại đáp án: Khẳng định của bạn An hợp lí và có thể làm tương tự cho các số khác.  - GV nhận xét, rút ra dấu hiệu chia hết cho 9.  - GV cho 1 vài HS đọc, phát biểu dấu hiệu chia hết cho 9.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện thực hành 1.  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Dấu hiệu chia hết cho 9 . | **1. Dấu hiệu chia hết cho 9.**  HĐKP1:  Khẳng định của An là đúng. Vì mọi số đều viết được dưới dạng tổng các chữ số của nó cộng với một số chia hết cho 9.  *Nhận xét:* Mọi số đều viết dưới dạng tổng các chữ số của nó cộng với một số chia hết cho 9.  *Dấu hiệu chia hết cho 9:*  Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9 và chỉ những số đó mới chia hết cho 9.  *Thực hành 1:*  a) 245 có 2 + 4 + 5 = 11 ⋮̸ 9 nên 245 ⋮̸ 9      9 087 có 9 + 0 + 8 + 7 = 24 ⋮̸ 9 nên 9 087 ⋮̸ 9      398 có 3 + 9 + 6 = 18 ⋮ 9 nên 398 ⋮ 9      531 có 5 + 3 + 1 = 9 ⋮ 9 nên 531 ⋮ 9  Vậy các số 398, 531 chia hết cho 9.  b) Hai số chia hết cho 9 là 936, 18       Hai số không chia hết cho 9 là 987, 192. |

**Hoạt động 2: Dấu hiệu chia hết cho 3.**

a) Mục tiêu:

+ HS nhận ra được dấu hiệu chia hết cho 3.

+ Củng cố vận dụng dấu hiệu chia hết kết hợp tính chất chia hết của một tổng (hiệu).

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV dẫn dắt, phân tích cho HS đọc hiểu nội dung trong SGK rồi rút ra nhận xét.  - GV cho HS hoạt động nhóm đôi, hoàn thành HĐKP2.  - GV nhận xét, rút ra dấu hiệu chia hết cho 3.  - GV cho 1 vài HS đọc, phát biểu dấu hiệu chia hết cho 3.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện thực hành 2.  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Dấu hiệu chia hết cho 3 . | **2. Dấu hiệu chia hết cho 3.**  HĐKP2:  315 = 3 . 100 + 1 . 10 + 5         = 3.(99 + 1) + 1.(9 + 1) + 5         = 3.99 + 3 + 9 + 1 + 5         = (3 +1+5) + (3.3.11 + 3) . 3  418 = 4 . 100 + 1 . 10 + 8         = 4 . (99 + 1) + 1 . (9 + 1) + 8         = 4 . 99 + 4 + 9 + 1 + 8         = (4 +1+8) + (4 .3 .11 + 3) . 3  Dấu hiệu chia hết cho 3:  Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3 và chỉ những số đó mới chia hết cho 3.  *Thực hành 2:*  Trong hai số 315 và 418 thì số 315 chia hết cho 3.  Vì số 315 có 3 + 1 +5 = 9 chia hết cho 3. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a) Mục tiêu: Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

b) Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* Bài 1 + 2 (*SGK – tr27)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án*

Bài 1 :

a)   A = {117, 3 447, 5 085}.

b)   B = {534, 9348,123}.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

a) Mục tiêu: Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vận dụng :* Bài 3

Bài 3:

a) 2 + 0 + 3 = 5 ⋮̸ 3 => 203 ⋮̸ 3.

    1 + 2 + 7 = 10 ⋮̸ 3 nên 203 ⋮̸ 3.

    9 + 7 = 16 ⋮̸ 3 nên 203 ⋮̸ 3.

    1 + 7 + 3 = 11 ⋮̸ 3 nên 203 ⋮̸ 3.

*=> Không thể chia số bi trong mỗi hộp thành 3 phần bằng nhau được.*

b) Tổng số bi là: 203 + 127 + 97+ 173 = 600

Nếu Tuấn rủ thêm 2 bạn cùng chơi thì tổng số người chơi là 3 người.

Ta có: 6 + 0 + 0 = 6 chia hết cho 3 nên số 600 chia hết cho 3 => 600 viên bi chia đều cho 3 người.

*=> Nếu Tuấn rủ thêm 2 bạn cùng chơi bi thì có thể chia đều tổng số bi cho mỗi người.*

**c)** Nếu Tuấn rủ thêm 2 bạn cùng chơi thì tổng số người chơi là 9 người.

Ta có: 6 + 0 + 0 = 6 không chia hết cho 9 nên số 600 không chia hết cho 9 => 600 viên bi không thể chia đều cho 9 người.

*=> Nếu Tuấn rủ thêm 8 bạn cùng chơi bi thì không thể chia đều tổng số bi cho mỗi người.*

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**E. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Học thuộc dấu hiệu chia hết cho 9 và dấu hiệu chia hết cho 3.

- Xem lại cách vận dụng vào thực tế của bài tập 3 trang 27 sách giáo khoa

- Làm bài tập 2 trang 27 sách giáo khoa.

- Chuẩn bị bài học hôm sau: “Ước và bội”.

Ngày soạn: 01/10/2023

Ngày dạy: 06/10/2023

*Bài 9:*  **ƯỚC VÀ BỘI**

Thời gian: 02 tiết từ tiết 15 – 16

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được ước, bội của một số tự nhiên.

- Sử dụng được kí hiệu tập hợp các ước, tập hợp các bội của một số tự nhiên.

**2. Năng lực**

**-** Năng lực riêng:

+ Tìm được tập hợp các ước, tập hợp các bội của một số tự nhiên cho trước.

+ Vận dụng được kiến thức về bội, ước của một số tự nhiên vào giải quyết một số tình huống thực tiễn đơn giản.

**-** Năng lực chung:Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**-** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. GV: Láp tốp, máy tính casio, ti vi, thước thẳng, bảng phụ.

2. HS : Đồ dùng học tập cá nhân, bảng nhóm, giấy A4 ( để cắt 1 số mảnh giấy nhỏ và ghép thành các băng giấy), giấy màu, hồ dán, kéo cắt giấy, tờ bìa.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

a) Mục tiêu:

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

+ Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài.

b) Nội dung: HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Từ bài toán HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV đặt vấn đề qua bài toán HĐKP1**:**

a)Lớp 6A có 36 học sinh. Trong một tiết mục đồng diễn thể dục nhịp điệu, lớp xếp thành đội hình gồm những hàng đều nhau. Hãy hoàn thành bảng sau vào vở để tìm các cách mà lớp có thể xếp đội hình:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cách xếp đội hình | Số hàng | Số học sinh trong một hàng |
| Thứ nhất | 1 | 36 |
| Thứ hai | 2 | 18 |
| .. | .. | .. |

b) Viết số 36 thành tích của hai số bằng các cách khác nhau.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:HS hoạt động nhóm hoàn thành bài toán.

HS đưa ra đáp án:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cách xếp đội hình | Số hàng | Số học sinh trong một hàng |
| Thứ nhất | 1 | 36 |
| Thứ hai | 2 | 18 |
| Thứ ba | 3 | 12 |
| Thứ tư | 4 | 9 |
| Thứ năm | 6 | 6 |
| Thứ sáu | 9 | 4 |
| Thứ bảy | 12 | 3 |
| Thứ tám | 18 | 2 |
| Thứ chín | 36 | 1 |

b) 36 = 1 . 36

     36 = 2 . 18

     36 = 3 . 12

     36 = 4 . 9

     36 = 6 . 6

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

- Bước 4: Kết luận, nhận định:GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “ 36 chia hết cho các số 1, 2, 3, 4, 6, 9, 12, 18, 36, ta nói 36 là gì của các số đó và mỗi số đó có quan hệ như thế nào với 36?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Ước và bội.**

a) Mục tiêu:

+ HS nhận biết được khái niệm ước, bội của một số tự nhiên và kí hiệu.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV chữa, phân tích lại cho HS HĐKP1.Từ đó dẫn dắt, rút ra khái niệm ước va bội như trong SGK.  - GV yêu cầu 1 vài HS đọc lại khái niệm ước và bội trong mục Kiến thức trọng tâm.  - GV cho HS đọc phần Chú ý trong SGK và khắc sâu cho HS nhớ.  - GV yêu cầu HS áp dụng khái niệm hoàn thành thực hành 1.  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Khái niệm ước và bội. | **1. Ước và bội**  Nếu số tự nhiên a chia hết cho số tự nhiên b thì ta nói a là **bội** của b, còn b gọi là **ước** của a.  Tập hợp các ước của a được kí hiệu là Ư(a)  Tập hợp các bội của a được kí hiệu là B(a).  *Ví dụ*: Ư(6) = {1; 2; 3; 6}  B(3) = {0; 3; 6; 9; 12……..}  *Chú ý:*  + Số 0 là bội của tất cả các số tự nhiên khác 0. Số 0 không là ước của bất kì số tự nhiên nào.  + Số 1 chỉ có một ước là 1. Số 1 là ước của mọi số tự nhiên.  + Mọi số tự nhiên a lớn hơn 1 luôn có ít nhất hai ước là 1 và chính nó.  *Thực hành 1:*  1) a) 48 là bội của 6      b) 12 là ước của 48      c) 48 là ước/bội của 48      d) 0 là bội của 48  2) Ư(6) = {1; 2; 3; 6}.  3) Ư(24) = {1;2;3;4;6;8;12;24}.  => Số 24 là bội của 1, 2, 3, 4, 6, 8, 12, 24. |

**Hoạt động 2: Cách tìm ước.**

a) Mục tiêu:

Biết cách tìm được tập hợp các ước của một số tự nhiên cho trước.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, hoàn thành HĐKP2.  - GV dẫn dắt, rút ra cách tìm ước của một số a như Kiến thức trọng tâm trong SGK.  - GV phân tích và cho HS đọc hiểu *Ví dụ 2* để HS hiểu và hình dung cách làm.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện thực hành 2.  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **-** Bước 4: Kết luận, nhận định:GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính**:** Cách tìm Ư (a). | **2. Cách tìm ước.**  HĐKP2:  Số 18 có thể chia hết cho các số 1, 2, 3, 6, 9, 18.  *Cách tìm Ư(a):*  Muốn tìm các ước của số tự nhiên a ( a >1), ta có thể lần lượt chia a cho các số tự nhiên từ 1 đến a để xét xem a chia hết cho những số nào, khi đó các số ấy là ước của a,  Thực hành 2:  a) Ư(17) = {1; 17}.  b) Ư(20) = { 1; 2; 4; 5; 10; 20}. |

**Hoạt động 3: Cách tìm bội.**

a) Mục tiêu:

Biết cách tìm được tập hợp bội của một số tự nhiên cho trước.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV yêu cầu HS hoàn thành HĐKP3dưới sự hướng dẫn của GV:  *a)* *Chuẩn bị một số mảnh giấy nhỏ có chiều dài là 3cm. Ghép các mảnh giấy nhỏ đó thành các băng giấy như hình mình họa dưới đây:*    *Hãy tính độ dài của hai băng giấy tiếp theo*  *b) Làm thế nào để tìm được các bội của 3 một cách nhanh chóng?*  - GV dẫn dắt, rút ra cách tìm bội của một số a như Kiến thức trọng tâm trong SGK.  - GV lưu ý cho HS phần *Chú ý*.  - GV phân tích, HS đọc hiểu Ví dụ 3 để hiểu rõ và hình dung cách làm.  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành thực hành 3.  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  - Bước 4: Kết luận, nhận định:GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính**: Cách tìm B(a).** | **3. Cách tìm bội.**  HĐKP3:  a) – Độ dài của miếng băng tiếp theo là: 3 . 5 = 15 (cm).      – Các số đo dài của các băng giấy là các bội của 3.  b) Muốn tìm bội của 3 một cách nhanh chóng, ta nhân 3 lần lượt với 0, 1, 2, 3,…  Cách tìm B(a):  Muốn tìm các bội của số tự nhiên a 0, ta có thể nhân a lần lượt với 0, 1, 2, 3, …  *Chú ý:*  Bội của a có dạng tổng quát là a . k với k . Ta có thể viết:  B (a) = { a . k | k }  *Thực hành 3:*  a) B(4) = {0, 4, 8, 12, 16, 20, 24, 28, 32, 36, 40, 44,…}.  b) B(7) = {0, 7, 14, 21, 28, 35, 42, 49, 56, 63, 70, 77,…}. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a) Mục tiêu: Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

b) Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập Bài 1 + 2 + 3 (SGK – tr30)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án*

*Bài 1*:

a) 6 ∈ Ư(48)  b) 12 ∉ Ư(30)  c) 7 ∈ Ư(42)

d) 18 ∉ B(4)  e) 28∈ B(7)  g) 36 ∈ B(12)

*Bài 2:*

a) Ư(30) = {1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30}.

b) B(6) = {0; 6; 12; 18; 24; 30; 36; 42; 48}.

c) C ={x | x 18 và 72 x} = {18; 36; 72}.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

a) Mục tiêu: Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vận dụng*

Bài 4:

a) Để viết được số 20, người muốn thắng cuộc phải viết được số 16, vì dù người chơi tiếp có thể viết 17 hay 18 ( số lớn hơn 16, nhưng không lớn hơn quá 3 đơn vị), người muốn thắng cuộc vẫn viết được số 20. Tương tự, để viết số 16, người muốn thắng cuộc phải viết được số 12. Cứ như thế, người muốn thắng cuộc phải viết được số 8, số 4, số 0.

Vậy ai biết được cần phải viết được dãy số 0, 4, 8, 12, 16, 20 ( gồm các số là bội của 4) thì người đó sẽ thắng.

Có thể Bình đã biết bí quyết này nên luôn thắng được Minh.

Minh có cơ hội thắng được Bình khi Minh nắm được bí quyết trên và có cơ hội viết được một trong các số 0, 4, 8, 12, 16, 20 trước Bình.

b) Có thể đề xuất luật chơi mới tương tự, chẳng hạn, thay số 20 bởi số 30 ( hay một số khác), hoặc thay số 3 bằng một số khác,…

*- GV cho HS đọc và tìm hiểu Em có biết ?:*

+ GV lưu ý HS :

- Để xác định một năm nào đó có phải là năm nhuận ( theo dương lịch) hay không thì chỉ cần lấy năm đó chia cho 4. Nếu năm đó có chia hết cho 4 thì năm đó sẽ nhuận, nếu không chia hết thì không phải là năm nhuận.

-Tuy nhiên, với những năm có 2 chữ số 0 ở cuối, thì ta phải lấy năm đó chia cho 400. Nếu năm đó không chia hết cho 400 thì năm đó là năm nhuận, nếu không chia hết thì không phải là năm nhuận.

Ví dụ : Năm 2000 là năm nhuận vì chia hết cho 400. Nhưng năm 2100 không phải là năm nhuận vì 2100 không chia hết cho 400.

**E. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Học thuộc ước và bội của số tự nhiên a, chú ý ước và bội, cách tìm ước của a và cách tìm bội của a.

- Làm bài tập 3 trang 30 sách giáo khoa.

- Chuẩn bị bài mới “Số nguyên tố. Hợp số. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố”.